

VỀ CHỦ NGHĨA TƯ BẢN HIỆN NAY: DIỆN MẠO, ĐẶC TRƯNG VÀ GIẢI PHÁP THÍCH ỨNG CỦA VIỆT NAM

Hồ Sĩ Quý^(*)

Tóm tắt: Chủ nghĩa tư bản hiện nay là một thực thể chính trị - xã hội có tầm ảnh hưởng ở phạm vi thế giới, mà nhìn từ góc độ nào người ta cũng thấy nó đa dạng, phức tạp, không dễ nhận diện, đánh giá đến tường tận. Bài viết phân tích và chứng minh, tuy vậy, chủ nghĩa tư bản hiện nay vẫn là một hình thái kinh tế - xã hội mà trong đó phương thức sản xuất chủ đạo có lực lượng sản xuất ở trình độ xã hội hóa cao, có quan hệ sản xuất ở trình độ tiên tiến. Về các đặc trưng, bài viết nhận định, hệ thống tư bản chủ nghĩa ngày nay vẫn được xác định bởi những đặc trưng chủ yếu là: 1) Cạnh tranh; 2) Sở hữu tư nhân; 3) Lợi nhuận; 4) Sự can thiệp ít hơn của chính phủ.

Từ khóa: Chủ nghĩa tư bản, Diện mạo, Đặc trưng, Giải pháp thích ứng, Việt Nam

Abstract: Capitalism today is a huge socio-political entity on a world scale, but from any perspective one can see that it is diverse and complex and not easy to identify or evaluate thoroughly. However, the paper analyzes and proves that capitalism remains a socio-economic form in which the main mode of production has production forces at the highest level of socialization, and production relations at the most advanced level. Today's capitalist system is largely characterized by the followings: 1/ Competition; 2/ Private ownership; 3/ Profit; 4/ Less government intervention.

Keywords: Capitalism, Manifestations, Characteristics, Adaptations, Vietnam

Ngày nhận bài: 31/01/2024; Ngày duyệt đăng: 15/4/2024

1. Mở đầu

Do được sinh ra một cách tất yếu, tự nhiên từ trong lịch sử xã hội loài người, chủ nghĩa tư bản (CNTB) được dự báo là có thể sẽ còn tồn tại dài lâu. Thế giới không tránh khỏi sự tác động của CNTB trong quá trình phát triển.

Và điều quan trọng là, CNTB còn chứa đựng một số giá trị tích cực mà các

quốc gia đi sau có thể vận dụng, học hỏi để phát triển theo cách riêng của mình.

2. Nhận diện chủ nghĩa tư bản hiện nay

2.1. CNTB hiện nay¹ là một thực thể chính trị - xã hội có tầm ảnh hưởng ở phạm vi thế giới, nhìn từ góc độ nào, người ta cũng thấy nó đa dạng, phức tạp, không dễ nhận diện.

^(*) GS.TS., Ủy viên Hội đồng Lý luận Trung ương; Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam; Email: hosiquy.thongtin@gmail.com

¹ Để tránh hiểu lầm về khái niệm, trong bài viết này, “CNTB” được hiểu không đồng nhất với “Modern Capitalism”, mà tương đương với khái niệm “Contemporary Capitalism”.

Về phương diện đời sống tinh thần, CNTB trước hết là một hệ thống chính trị, có hệ tư tưởng đã định hình, có cấu trúc xã hội khá chặt chẽ. Hệ tư tưởng tư bản chủ nghĩa (TBCN) trên thực tế có sức mạnh chi phối đời sống xã hội của nhiều quốc gia trong thế giới ngày nay, từ tâm lý xã hội, văn hóa nghệ thuật, các trào lưu chính trị đến các thiết chế tư tưởng, các luận thuyết chính trị xã hội.

Về phương diện đời sống vật chất, CNTB lại hiện ra như một hệ thống kinh tế chiếm ưu thế toàn cầu, can thiệp vào cuộc sống của từng gia đình đến nền kinh tế của các quốc gia, kể cả các quốc gia tự coi là không nằm trong hệ thống TBCN. Những hiện tượng thuộc trật tự toàn cầu, từ tiến bộ của khoa học, công nghệ, kỹ thuật, quan hệ quốc phòng, an ninh đến xu hướng dịch vụ tiêu dùng cá nhân... đều có bàn tay của CNTB. Thành công nào hay tai họa hoặc thất bại nào của nhân loại ngày nay cũng đều khó tránh khỏi có dấu ấn của CNTB hiện nay.

Đã có hàng vạn cuốn sách được viết ra và hàng nghìn khái niệm được sáng tạo ra để con người hiểu về CNTB. Nhưng thực chất, bản chất, hàm lượng giá trị tích cực, mức độ tác động tiêu cực và số phận hay tương lai của CNTB... vẫn là những điều được tranh cãi. Dưới ánh sáng của các học thuyết vĩ đại về CNTB, từ A. Smith, D. Ricardo đến K. Marx, từ M. Weber, J. Keynes đến M. Friedman..., những hiểu biết về CNTB mỗi ngày một sâu sắc hơn, nhưng con người vẫn chưa hề thỏa mãn với những điều đã biết ấy.

Là một đối tượng nhận thức phức tạp, không dễ nhận biết, nên chẳng phải ngẫu nhiên, một nhà kinh tế học có uy tín trong giới học thuật thế giới đã nhận xét: “Trên thực tế, CNTB là hệ thống bí ẩn nhất trong

lịch sử nhân loại, thực sự độc nhất vô nhị” (Фурсов, 2021). Bí ẩn và độc nhất vô nhị, theo ông, vì khác với các hệ thống xã hội khác, CNTB luôn gây bất ngờ vì sức sống của nó hơn 300 năm nay, kể từ khi xuất hiện CNTB công nghiệp. Rất nhiều lần, không ít luận thuyết đã từng tuyên bố về cái chết của CNTB. Những năm đầu thế kỷ XXI, trước những tác động của các yếu tố ngoài kinh tế như chiến tranh, suy thoái môi trường, biến đổi khí hậu và khủng hoảng xã hội, một lần nữa, sự tồn vong của CNTB lại được đặt ra. Song nó vẫn thích ứng khá nhanh với mọi biến động. Immanuel Wallerstein, học giả nổi tiếng người Mỹ, ông tổ của lý thuyết “Hệ thống thế giới hiện đại”, năm 2013, một lần nữa vẫn khẳng định, CNTB vẫn là “cỗ máy vô song của lịch sử để tạo ra tăng trưởng kinh tế” (historically unparalleled machine for producing economic growth) ngay cả khi đối mặt với các giới hạn của môi trường tăng trưởng trở nên ngặt nghèo hơn và xung đột địa chính trị quốc tế trở nên trầm trọng hơn (Wallerstein và cộng sự, 2013).

2.2. Cần thiết phải nhắc lại rằng, trong nhận thức về CNTB, đến nay, vẫn chưa có cách hiểu nào tường minh hơn, đơn giản hơn, hợp lý hơn và bản chất hơn so với học thuyết Marx-Lenin, khi xem *CNTB là một hình thái kinh tế - xã hội mà trong đó phương thức sản xuất chủ đạo có lực lượng sản xuất ở trình độ xã hội hóa cao, có quan hệ sản xuất ở trình độ tiên tiến.*

Nghĩa là, CNTB trước hết là một thực thể kinh tế, nhưng đồng thời còn là thực thể chính trị - xã hội - văn hóa - tư tưởng - tinh thần với tất cả những phức tạp và phong phú có thể có của nó trong đời sống xã hội. Các quan hệ kinh tế quyết định tất cả các cấu trúc khác của xã hội. Về mặt kinh tế, CNTB hiện nay là một hệ thống

thế giới không có biên giới, một tổng thể luôn luôn có mâu thuẫn nhưng lại thống nhất, thậm chí duy nhất. Trong khi đó, về mặt chính trị, CNTB lại là một tập hợp, một tổng thể của các quốc gia riêng lẻ được ngăn cách bởi các biên giới, các chế độ chính trị, các tư tưởng quốc gia, các đặc thù văn hóa - tôn giáo...

Như đã từng tồn tại từ quá khứ, CNTB hiện nay vẫn xây dựng và phát triển cấu trúc xã hội của mình dựa trên mối quan hệ cơ bản giữa *nhà tư bản, người tiêu dùng và người lao động*. Tính bền vững của quan hệ này cho phép CNTB linh hoạt điều tiết và khống chế xã hội bằng việc xử lý các quan hệ giai cấp, các hình thức bóc lột lao động thặng dư, các quan hệ giá trị và giá cả hàng hóa... thông qua nhà nước và doanh nghiệp bằng các công cụ nhà nước pháp quyền, kinh tế thị trường và xã hội dân sự.

Từ sau Chiến tranh Thế giới lần thứ Hai, đặc biệt từ khi xuất hiện toàn cầu hóa, tính toàn cầu, tính thống nhất, tính duy nhất của nền kinh tế TBCN cũng được coi là đã thực sự trở nên ổn định. Các quan hệ xuyên quốc gia, liên quốc gia, các khối chính trị - quân sự, các định chế quốc tế toàn cầu và khu vực, ở một phương diện nào đó, đều là các công cụ của nền kinh tế toàn cầu TBCN, của hệ thống các nhà nước TBCN. Điều này cho phép CNTB hiện nay thích ứng không mấy khó khăn với mọi biến động.

Những năm 1970-1980, khi thế giới trở nên "phẳng hơn", cùng với sự lên ngôi của quyền lực trí tuệ, thì kinh tế TBCN được nhiều người coi là đặc trưng bởi nền kinh tế tri thức.

Những năm 1990, khi toàn cầu hóa làm sâu sắc hơn các quan hệ xuyên quốc gia, ít nhiều làm giảm giá trị của các biên

giới (trước hết về phương diện kinh tế), thì CNTB toàn cầu hóa xuất hiện. *CNTB toàn cầu hóa là một bước tiến mới của CNTB thế giới* (Robinson và cộng sự, 2000).

Từ những năm đầu của thế kỷ XXI, kinh tế xanh là xu hướng tiên phong mang đậm tính nhân văn ở một số quốc gia phát triển trên thế giới.

Hai thập niên gần đây, nền kinh tế TBCN là nền kinh tế của xã hội thông tin. Gần đây, khi kinh tế số đã trở thành một thực tế chi phối mọi quá trình quản trị xã hội, thì nền kinh tế TBCN cũng đang số hóa để trở thành nền kinh tế số.

Điều may mắn cho Việt Nam là 90% dân số kết nối mạng Internet và dùng mạng xã hội, các cơ quan công quyền, các doanh nghiệp đã và đang tiếp tục phát triển mạnh hạ tầng số cho mọi hoạt động của mình. Năng lực số của đa số cư dân ở mức cao.

2.3. Do quy luật phát triển nội tại của nó, CNTB, trong khi thích ứng để phát triển vẫn buộc phải đi tới tiến bộ, và vì thế xã hội mà nó tạo ra vẫn đương nhiên phải phát triển theo xu hướng hợp lý hơn.

Về lý thuyết, điều này nằm ngoài ý chí chủ quan của nhà tư bản và giai cấp tư sản.

Thậm chí, Adam Smith (1723-1790), Max Weber (1864-1920) và Lý Quang Diệu (1923-2015) là những người coi ham muốn sở hữu và lòng tham ích kỷ của con người là động lực và là nguồn gốc của sự tiến bộ, xét trên phạm vi toàn xã hội. Bởi lẽ, ngay từ lúc sơ khai, nền sản xuất hàng hóa cổ đại đã biết cách làm cho lòng tham ích kỷ và ham muốn sở hữu của con người buộc phải thỏa mãn nhu cầu của kẻ khác, trước hết là để kiếm lợi cá nhân. Nhưng từ đó tinh thần sinh lợi (*rentabilität, profitability*) (Weber, 1905) đối với toàn xã hội đã xuất hiện. CNTB chính là phương thức sản xuất như vậy.

Quy luật phát triển của xã hội loài người ở phạm vi toàn thế giới, đương nhiên, sẽ thúc đẩy lịch sử xã hội phát triển theo chiều hướng ngày càng tốt đẹp hơn, hoàn thiện hơn, dù có thể có những giai đoạn quanh co, khủng hoảng, chiến tranh hoặc thụt lùi tương đối. Ở trình độ toàn cầu hóa hiện nay, CNTB muốn bóc lột nhiều hơn thì cũng phải làm cho các quốc gia ngoại vi phát triển theo.

Dù mang bản chất giai cấp của giai cấp tư sản, nhưng không thể nói tất cả những chính khách, những nhà tư bản trong các nước TBCN đều là những người có thể giới quan phản tiến bộ. Ngược lại, có những nhà tư bản, chính khách tư sản đã được vinh danh là những người có công lao cho sự phát triển xã hội. Với những nhà tư tưởng, giới trí thức, các nhà khoa học hay văn nghệ sỹ trong các nước tư bản, thì ở thời nào, phần lớn cũng đều là những người sống và hành động với các ý tưởng nhân văn, khởi xướng những tư tưởng hay những hoạt động theo xu hướng nhân đạo nhằm thúc đẩy nhân loại đi theo chiều tiến bộ. Rất nhiều học thuyết hay các chiến lược của các cường quốc TBCN đều bắt đầu từ tầng lớp trí thức tiến bộ này. Hơn thế nữa, bản thân cơ chế vận hành của CNTB, thể chế kinh tế và chính trị dung hợp (Inclusive Institutions) của CNTB đều là sản phẩm của nhân loại trong quá trình tiến bộ dài lâu, quy định dòng chảy của lịch sử.

2.4. Ở thời của Marx, “giai cấp tư sản, trong quá trình thống trị giai cấp chưa đầy một thế kỷ đã tạo ra những lực lượng sản xuất nhiều hơn và đồ sộ hơn lực lượng sản xuất của tất cả các thế hệ trước kia gộp lại” (C. Mác và Ph. Ăngghen, *Toàn tập*, 1995, Tập 4: 603).

Đến thế kỷ XX, một số tiến bộ lớn và nhỏ của khoa học hay công nghệ, văn

hóa hay giáo dục, chính trị, kinh tế hay các định chế quốc tế trong thế kỷ XX, nhất là các định chế tâm vóc như Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD), Liên minh Châu Âu (EU), Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên Hợp Quốc (UNESCO), Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên Hợp Quốc (FAO), hoặc các học thuyết có ảnh hưởng lớn trong thế kỷ XX về phát triển con người, bảo vệ môi trường và an sinh xã hội, về chống đói nghèo, thích ứng với biến đổi khí hậu, về phát triển giáo dục hay phát triển văn hóa... cũng cần được nhắc đến. Ngày nay, trong thế kỷ XXI, xu hướng này vẫn chưa hề phai nhạt đi.

2.5. Quy luật nội tại của nền kinh tế tư chủ nghĩa bản là bóc lột hữu hình và vô hình ngày càng gia tăng và khốc liệt để CNTB phát triển. Không phát triển, CNTB sẽ diệt vong. Nhưng muốn phát triển, nó buộc phải làm cho các dân tộc khác phát triển theo, làm cho các giá trị của CNTB thâm nhập được vào các quốc gia khác, dân tộc khác.

3. Về những đặc trưng của chủ nghĩa tư bản hiện nay

3.1. Như nhiều học giả đã khẳng định, CNTB, đến tận ngày nay, vẫn mang những bản chất cố hữu của nó. Về phương diện đạo đức, tính chất của bản chất đó không khác trước. Những hiện tượng có ý nghĩa bản chất của CNTB như tư hữu, bóc lột giá trị thặng dư, cạnh tranh, thị trường... là những đặc trưng cơ bản, biểu hiện trực tiếp của quy luật của CNTB, là những nội lực đầy sức mạnh... không có gì thay đổi. Marx đã đúng khi đánh giá về CNTB. Những hiện tượng có ý nghĩa bản chất ấy chưa xưa cũ, chưa lỗi thời mà ngược lại vẫn đầy sức sống trong xã hội hiện đại.

Vấn đề là ở chỗ, cạnh tranh, thị trường, bóc lột, tư hữu vẫn là *những cái mà loài người chưa thể nghĩ ra được cái gì khác hay hơn để thay thế*. Thiếu chúng, con người và xã hội sẽ mất động lực để phát triển. “Thị trường tự do có thể không hoàn hảo nhưng có lẽ là cách để tổ chức một nền kinh tế” (Free markets may not be perfect but they are probably the best way to organize an economy, Xem: Jahan và cộng sự, 2023).

Theo Paul R. Krugman¹, hệ thống TBCN ngày nay vẫn được xác định bởi một số đặc trưng chủ yếu là: 1) Cạnh tranh; 2) Sở hữu tư nhân; 3) Lợi nhuận; và 4) Sự can thiệp ít hơn của chính phủ (Characteristics of Capitalism, 2022).

Theo các chuyên gia của Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF), CNTB ngày nay vẫn dựa trên các trụ cột: 1) Sở hữu tư nhân (cả tài sản hữu hình và vô hình); 2) Lợi ích (dẫn đến chấp nhận sự điều khiển của bàn tay vô hình); 3) Cạnh tranh (rốt cuộc dẫn đến tối đa hóa phúc lợi xã hội); 4) Cơ chế thị trường (dẫn đến phân bổ được các nguồn lực và mức thù lao cao nhất, kể cả tiền lương); 5) Tự do tiêu dùng, sản xuất và đầu tư (cho phép đa dạng hoá sự lựa chọn). Vai trò của chính phủ, dù hạn chế (về lý thuyết), vẫn đủ mạnh để bảo vệ được quyền lợi của các chủ thể và duy trì một trật tự hợp lý cho thị trường (Jahan và cộng sự, 2023).

Nếu chỉ đơn giản nhắc đến những đặc trưng kinh tế này, thì rất khó thấy được tại sao đó lại là những đặc trưng thể hiện diện mạo của CNTB hiện nay.

3.2. Cạnh tranh, xưa nay vẫn là đặc điểm đặc trưng nhất cho CNTB, thể hiện

bản chất CNTB. Thiếu cạnh tranh, trong đó có cả cạnh tranh sống còn, CNTB sẽ không còn là CNTB. Cạnh tranh là phương thức tất yếu của nền kinh tế tư bản, là nguồn gốc tạo ra sức sống của kinh tế thị trường của CNTB. Cạnh tranh là cái dễ thấy nhất cả về mặt tích cực và mặt tiêu cực, khiến nó vừa được ca ngợi vừa bị lên án. Cạnh tranh giúp nhà tư bản dù không nhằm tới mục tiêu đạo đức (như K. Marx đã từng nói) nhưng vẫn có thể vô thức mang ý nghĩa tích cực vì tạo ra sản phẩm tốt hơn với ít chi phí hơn và thu hút khách hàng nhiều hơn. Nền kinh tế TBCN ngày từ đầu đã được dẫn dắt bởi các lực lượng thị trường, trong đó những hàng hóa được trả giá cao nhất là hàng hóa mà người tiêu dùng muốn có nhất, và các doanh nghiệp sẽ sản xuất những mặt hàng kiểu như vậy để thu lợi nhuận, điều này dẫn đến cạnh tranh. Đến lượt nó, cạnh tranh lại thúc đẩy quá trình này diễn ra nhanh hơn, quyết liệt hơn.

Đặc trưng này của CNTB tuy xưa cũ, nhưng lại luôn luôn thay đổi cách thức và thủ đoạn với sự trợ giúp của toàn cầu hóa và khoa học - công nghệ hiện đại. Điều đó đã tạo ra những diện mạo mới của CNTB hiện nay.

3.3. Sở hữu tư nhân ngày nay dù ít hơn trước song vẫn chiếm tỷ lệ lớn trong kinh tế TBCN hiện đại. Vấn đề là ở chỗ, không chỉ là một dạng chiếm hữu tư liệu sản xuất và của cải xã hội, sở hữu tư nhân còn là phương thức tổ chức sản xuất và làm nền tảng cho các thiết chế, thể chế xã hội (tính quyết định của cơ sở hạ tầng).

Tính tích cực dễ thấy nhất của sở hữu tư nhân là nó tạo ra trách nhiệm xã hội *xuyên qua các thế hệ, xuyên qua các chế độ chính trị, đặt cơ sở cho sự kế thừa và tiếp nối truyền thống*. Không một thể chế nào hoặc chính phủ nào có thể thờ ơ đối

¹ GS. Kinh tế học Đại học Princeton, Giải Nobel về Kinh tế năm 2008.

với những của cải mà mình được thừa kế sở hữu, từ đó người được thừa kế buộc phải có trách nhiệm đối với của cải xã hội và sản xuất xã hội. Mấy trăm năm CNTB với tự do kinh tế và quyền sở hữu được bảo vệ, đang hoàn thiện đến mức khá chặt chẽ.

Trong xã hội tư bản, tư liệu sản xuất được thừa kế và phát triển thông qua doanh nghiệp tư nhân. Các nguồn lực và giá trị tăng lên hay giảm đi thuộc về trách nhiệm của nhà tư bản. Hệ thống pháp lý, chẳng hạn hiến pháp, pháp luật, các văn bản dưới luật, các quy định, quy tắc... sau vài thế kỷ đã tạo ra sự ổn định để các cá nhân hoặc doanh nghiệp di chuyển của cải xã hội hoặc tư liệu sản xuất của mình. Những thế mạnh này, các loại hình sở hữu khác không dễ có được.

Việt Nam là một quốc gia có chế độ sở hữu khác nhiều với hầu hết các nước TBCN nên có thuận lợi hơn về phương diện không chế những tác động tiêu cực của chế độ sở hữu tư nhân, dễ dàng hơn trong việc huy động nguồn lực và đất đai cho những mục tiêu công hoặc quốc gia. Tuy nhiên, chính điều này, trong chừng mực nào đó, những năm gần đây lại đang gây ra một số vấn đề xã hội. Quyền sở hữu đất đai của Nhà nước trong nhiều trường hợp lại gắn liền với quyền sử dụng, quyền mua bán, trao đổi, chuyển nhượng... của những chủ thể đại diện cho Nhà nước một cách rất tương đối và khó bị ràng buộc trách nhiệm. Luật Đất đai sửa đổi, được lấy ý kiến rộng rãi và vừa được Quốc hội biểu quyết thông qua ngày 18/01/2024, là nhằm đáp ứng nhu cầu giải quyết những vấn đề nêu trên.

3.4. Hơn 100 năm trước, K. Marx khẳng định: “Sản xuất giá trị thặng dư hay lợi nhuận là quy luật tuyệt đối của phương thức sản xuất TBCN” (C. Mác

và Ph. Ăngghen, *Toàn tập*, 1993, Tập 23: 872). Đến nay, trong CNTB, lợi nhuận vẫn là động cơ thúc các cá nhân và các doanh nghiệp hành động. Trong thực tế, lợi nhuận và lợi nhuận sinh lợi nhuận (Rate Profit Increased - Max Weber) là một trong những nhân tố góp phần tạo ra “bàn tay vô hình” (Invisible Hand - Adam Smith) của thị trường và của nền kinh tế TBCN.

Nhìn nhận về CNTB lâu nay không ít người không biết đến nhận xét của T.J. Dunning về CNTB mà K. Marx đã dẫn lại trong bộ *Tư bản*: “Tư bản sợ tình trạng không có lợi nhuận hoặc lợi nhuận quá ít, cũng như giới tự nhiên sợ chân không. Với một lợi nhuận thích đáng thì tư bản trở nên can đảm. Được đảm bảo 10% lợi nhuận thì người ta có thể dùng tư bản vào đâu cũng được; được 20% thì nó hoạt bát hẳn lên; được 50% thì nó trở nên thật sự táo bạo, được 100% thì nó chà đạp lên mọi luật lệ của loài người, được 300% thì không còn tội ác nào mà nó không dám phạm, dù có nguy cơ bị treo cổ” (C. Mác và Ph. Ăngghen, *Toàn tập*, 1993, Tập 23: 1056). Dĩ nhiên nhận xét này của Dunning và Marx không sai và trong thực tế đời sống kinh tế hiện nay, kể cả ở Việt Nam, vẫn có không ít nhà tư bản hành động với sự ám ảnh của lợi nhuận.

Tuy nhiên, trong xã hội hiện đại, CNTB đã có nhiều phương thức và nhiều con đường mới tìm kiếm lợi nhuận, chứ không hoàn toàn phải tìm kiếm lợi nhuận bằng các thủ đoạn bóc lột dã man. Đã có không ít tài liệu viết về thực tế này. Thế giới tư bản ngày nay đã nhiều lần chứng kiến và ghi nhận, có những nhà tư bản đã hiến tặng phần lớn hoặc toàn bộ tài sản cho xã hội. Một số tập đoàn tư bản luôn đi theo hướng thực hiện những chương trình, kế

sách phát triển vì lợi ích dân sinh, vì các quốc gia chậm phát triển, hay vì những người nghèo đói hoặc không có điều kiện tiếp cận cơ hội phát triển. Giáo dục, y tế, khoa học - công nghệ, chống biến đổi khí hậu, phát triển văn hóa bản địa, đào tạo công dân toàn cầu, các chương trình phát triển con người, giải quyết bài toán nghèo đói... là những lĩnh vực mà một số nhà tư bản tiến bộ lâu nay theo đuổi để làm cho thế giới trở nên tốt đẹp hơn, an toàn hơn. Dĩ nhiên bản chất của doanh nghiệp tư bản thì không dễ thay đổi đó là luôn đặt mục tiêu lợi nhuận lên hàng đầu. Nhưng con đường tìm kiếm lợi nhuận như thế không phải là không có.

3.5. Vai trò của các chính phủ trong phát triển kinh tế ngày nay thực tế là tăng thêm so với CNTB ở các giai đoạn trước. Tuy nhiên, sự can thiệp trực tiếp của chính phủ thì không nhất thiết phải nhiều hơn, mạnh mẽ hơn hay quyết liệt hơn. Đây là điều mà một số lý thuyết kinh tế có thể đã nhầm lẫn nên nhận xét chưa thực sự khách quan về vai trò của các chính phủ hay các chính sách.

Theo lý thuyết kinh tế học thể chế (Institutional Economic), kinh tế không thể phát triển trong dài hạn, các quốc gia không thể thịnh vượng hay thành công nếu không có thể chế kinh tế dung hợp mà đằng sau nó là thể chế chính trị dung hợp (Inclusive Institutions). Ở những quốc gia đi theo thể chế dung hợp, lợi ích của người này thường buộc phải tạo điều kiện hoặc nuôi dưỡng lợi ích của người khác, nên động lực tăng trưởng được kích thích và nhân rộng, từ đó cơ hội thành công có xác suất lớn và có thể thành công dài lâu (Việt Nam được coi là nền kinh tế ngày càng có nhiều thể chế dung hợp và do vậy đang thành công - nhận xét của Daron

Acemoglu). Nghĩa là, quản lý vĩ mô từ phía nhà nước đóng vai trò gần như quyết định. Chính phủ và nền quản trị của chính phủ có khả năng tạo ra các thể chế để thúc đẩy sự phát triển. Do những nguyên nhân phức tạp nào đó, nếu thể chế kinh tế và thể chế chính trị của một quốc gia nào đó thuộc loại “Chiếm đoạt” hay “Khai thác” (Extractive Institutions), thì nền kinh tế bị kìm hãm, hoặc chỉ phát triển trong ngắn hạn; quốc gia đó khó có thể đạt tới thịnh vượng. Các nhân tố khác như địa lý, tự nhiên, nguồn lực văn hóa, con người... đương nhiên rất quan trọng, nhưng (theo học thuyết này là) không quyết định (Acemoglu và cộng sự, 2013).

Lịch sử mấy trăm năm của các quốc gia phát triển đã khẳng định nguyên tắc rằng: chính phủ nên tiếp cận mở đối với thị trường và cho phép nền kinh tế thị trường tự điều chỉnh, tự “vá lỗi” và tự giải quyết các vấn đề của nó. “Thị trường nhiều hơn và chính phủ ít hơn” (Less Government, More Market) ngày càng tỏ ra là một phương châm có hiệu quả. Tuy nhiên, CNTB ngày nay lại gồm hầu hết các quốc gia đều có cấu trúc của một nền kinh tế hỗn hợp. Do vậy, sự can thiệp của chính phủ ít hơn không có nghĩa là ít hơn trong mọi lĩnh vực và trong mọi dạng hoạt động của nền kinh tế. Kinh tế quốc phòng, an ninh, giáo dục, văn hóa, phúc lợi xã hội, hoặc bảo tồn tài nguyên thiên nhiên... là những dạng và lĩnh vực như vậy. Trong những khu vực đặc thù này, sự can thiệp của chính phủ là đương nhiên và rất quan trọng để đưa ra các chính sách, các luật lệ hoặc áp đặt các chế độ thuế quan nhằm hướng cho lợi ích kinh tế không đi ngược lại các lợi ích xã hội, thỏa mãn các nhu cầu nhân văn của đời sống xã hội. Ở khía cạnh khác, các xã hội tư bản có thị trường

hỗn hợp, chính phủ không đưa ra các quyết định kinh tế trực tiếp cho cá nhân các nhà tư bản, cũng không kế hoạch hóa tập trung cho hoạt động sản xuất hoặc giá cả của các doanh nghiệp.

Singapore dưới thời Lý Quang Diệu là một hình mẫu điển hình của sự can thiệp từ phía Chính phủ đối với nền kinh tế. Có những hoạt động, Chính phủ đòi hỏi doanh nghiệp phải tuân thủ những quy định vô cùng chi tiết và khắt khe. Nhưng trong tổng thể nền kinh tế thị trường, doanh nghiệp buộc phải tự chèo lái và giải quyết vấn đề của mình (Hồ Sĩ Quý, 2015).

4. Gợi ý cho giải pháp thích ứng của Việt Nam

4.1. Trên con đường phát triển theo định hướng XHCN, Việt Nam có thể cân nhắc vận dụng sáng tạo một số kinh nghiệm của các nước phát triển.

Việt Nam là quốc gia phát triển theo định hướng XHCN. Nghĩa là, CNTB hiện nay, ở khía cạnh nào đó, mặc dù có những biểu hiện tích cực nhưng không phải là cái đích mà Việt Nam hướng tới. Điều này cho phép Việt Nam tinh táo trong việc tiếp thu những bài học kinh nghiệm tích cực, khước từ những bất hợp lý và những tác động tiêu cực của CNTB và có chiến lược hợp tác khôn khéo với các quốc gia có trình độ phát triển cao.

Sự tồn tại của CNTB như dự báo là sẽ còn dài lâu. Những thành tựu của một số quốc gia phát triển thuộc hệ thống CNTB, đặc biệt những công cụ, những phương pháp điều hành và tổ chức nền kinh tế, quản trị xã hội, phát triển khoa học, công nghệ, y tế, giáo dục, văn hóa... là những kinh nghiệm quý đã được chứng minh thuyết phục qua vài thế kỷ và ngày càng tỏ ra là những gợi ý thực tế có thể xem xét.

Hơn thế nữa, Việt Nam hiện đã tham gia khá nhiều định chế quốc tế, nên trên thực tế, Việt Nam đã và đang là một đối tác tích cực của một số quốc gia phát triển hiện nay. Điều này phù hợp với xu thế thời đại là những nước đi sau có cơ hội học hỏi và tận dụng lợi thế, xu hướng vận động khách quan của đời sống xã hội nhân loại mà phát triển.

Cần phải thừa nhận rằng, trước kia nhìn nhận của Việt Nam về các quốc gia thuộc hệ thống CNTB có khác ngày nay. Việt Nam đã chủ động và tích cực tham gia toàn cầu hóa. Kinh tế thị trường được coi là một công cụ, một cách thức để xây dựng xã hội và phát triển đất nước. Trên thực tế, kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam đã đích thực là thành tố nội tại của công cuộc xây dựng CNXH. Việt Nam được coi là một trong số các quốc gia hội nhập thành công và hội nhập có bản lĩnh (Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn Quốc gia, 2001: 373).

Trong bối cảnh quốc tế phức tạp và đầy biến động hiện nay, với khả năng tồn tại còn dài lâu của CNTB, Việt Nam có thể xem xét vận dụng sáng tạo một số giá trị tích cực của một số quốc gia trong phát triển đất nước theo định hướng XHCN. CNXH với tính chất là giai đoạn cao hơn, tốt đẹp hơn và ưu việt hơn CNTB, Việt Nam có thể sử dụng có chọn lọc những bài học quý giá đã được chứng minh qua vài thế kỷ của CNTB - những công cụ kinh tế, những phương pháp điều hành, tổ chức và quản trị xã hội, những kinh nghiệm phát triển khoa học, công nghệ, y tế giáo dục, văn hóa...

4.2. Trong khi hội nhập rất sâu vào đời sống chính trị và kinh tế thế giới, Việt Nam vẫn gặp phải những khó khăn nảy sinh từ sự khác biệt về mô hình, khuôn thước, quy định, thiết chế...

Tuy nhiên, qua gần 40 năm Đổi mới, rất nhiều vướng mắc thuộc về các hiện tượng này đều đã được Việt Nam chủ động, khôn khéo giải quyết trong các quan hệ với các đối tác quốc tế.

Về mặt lý thuyết, hiện nay, Trung Quốc và một vài quốc gia khác tuyên bố không phát triển theo con đường TBCN. Nhưng thật đáng suy ngẫm, lịch sử từ cuối những năm 1980 lại buộc Trung Quốc vận dụng các phương thức của CNTB để cải cách, khai phóng và phát triển; khẩu hiệu “mèo trắng mèo đen” đến nay vẫn còn được nhắc tới ở Trung Quốc như là một phản ứng thức thời và khôn ngoan của sách lược cải cách. Sau quá trình cải cách và khai phóng, chỉ mới vài chục năm, Trung Quốc đã trở thành nền kinh tế thứ hai thế giới, nhiều thể chế TBCN đã phát triển tương đương với các nước phát triển, số lượng tỷ phú cũng nhiều nhất thế giới (hơn 1.000 tài phiệt và doanh nhân) (Xem: Barrett, 2022). Trong giai đoạn hiện nay, quốc gia nào hợp tác chặt chẽ hơn với đối tác là các nước có trình độ phát triển cao, vận dụng được nhiều hơn những tiến bộ trong hoạt động kinh tế - xã hội theo cách của mình, thì nước đó càng dễ có cơ hội để phát triển. Sự ủng hộ rộng rãi, hiệu quả của đối tác và dư luận quốc tế ngày nay cũng là một nguồn lực phát triển.

Việt Nam những năm qua trên thực tế đã có không ít kinh nghiệm quý giá trong vấn đề này. Sự ủng hộ hay tán thành, tẩy chay hay xa lánh của hệ thống quốc tế ngày nay là một sức mạnh không thể xem thường.

4.3. Trung thành với lợi ích dân tộc - quốc gia là cơ sở vững chắc để Việt Nam đảm bảo được tính chính danh trong quan hệ với các đối tác quốc tế, thu hút được sự ủng hộ quốc tế.

Như đã nói ở trên, trong quan hệ quốc tế, có những giá trị của CNTB hiện nay không thật phù hợp với điều kiện đặc thù của Việt Nam, hoặc bối cảnh phát triển của Việt Nam chưa cho phép Việt Nam ngay lúc này vận dụng hay học hỏi. Đặt lợi ích quốc gia - dân tộc lên hàng đầu trong quan hệ hợp tác với các đối tác quốc tế là điều kiện đảm bảo tính chính danh của Việt Nam trên trường quốc tế. Nếu khôn khéo thể hiện rõ lợi ích dân tộc - quốc gia trong các mối quan hệ, hợp tác thì các đối tác của Việt Nam đều có thể chấp nhận và buộc phải ủng hộ. Trung thành với lợi ích quốc gia - dân tộc, trên cơ sở tôn trọng các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, bình đẳng, “cùng có lợi” trong quan hệ đối ngoại thời kỳ hội nhập quốc tế là phương châm mà các Đại hội gần đây của Đảng Cộng sản Việt Nam đều đã đề cập.

Vấn đề là bảo vệ lợi ích dân tộc - quốc gia nhưng không xa rời các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, các chuẩn mực hay thông lệ quốc tế, đảm bảo được tính chính danh trong quan hệ với các đối tác quốc tế hiện nay. Đối với các quốc gia có vị thế địa chính trị đặc thù như Việt Nam, điều này luôn là một yêu cầu có ý nghĩa quan trọng.

Lợi ích cốt lõi của quốc gia - dân tộc mà Đảng và Nhà nước Việt Nam chủ trương từ trước đến nay trước hết là Độc lập dân tộc, Chủ quyền lãnh thổ và Chế độ chính trị xã hội. Các mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh trên thực tế đều phụ thuộc vào lợi ích cốt lõi này. Do đặc trưng thích ứng rất nhanh và rất thực tế nên tất cả các nước thuộc CNTB tại thời điểm hiện nay, đều bày tỏ sự tôn trọng lợi ích cốt lõi của Việt Nam, ủng hộ Việt Nam trong việc giữ vững độc lập chủ quyền, bảo vệ toàn

ven lãnh thổ. Trong thực tế, Mỹ là quốc gia đầu tiên đã thừa nhận vị thế Nguyên thủ quốc gia của Việt Nam là Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam, điều này minh chứng cho sự thành công của chiến lược ngoại giao cây tre của Việt Nam. Nhưng cũng cần phải nói rằng, trước những biến động lớn của tình hình thế giới, mối đe dọa an ninh quốc gia lại trở thành vấn đề đáng được suy xét trong quan hệ với các nước trên thế giới hiện nay.

Bài học của các cuộc chiến tranh vệ quốc trước đây của Việt Nam chỉ ra rằng, nguyên tắc cư xử với tất cả các bên, đặc biệt là với các nước thuộc CNTB, là tuyệt đối trung thành với lợi ích cốt lõi của quốc gia - dân tộc. Mà đây là một thế mạnh của Việt Nam đã nhiều lần được các chính khách và các học giả nước ngoài ca ngợi.

Trung thành với lợi ích dân tộc - quốc gia chính là cơ sở vững chắc để Việt Nam phản ứng linh hoạt với tình huống bất ngờ, đảm bảo được tính chính danh trong mọi quan hệ, thu hút được sự đồng tình ủng hộ của bạn bè cũng như của tất cả các quốc gia TBCN. Về nội dung này, Đại hội XIII của Đảng đã chỉ rõ: *“Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ đối ngoại. Bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên Hợp Quốc và luật pháp quốc tế, bình đẳng, hợp tác, cùng có lợi. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng; Việt Nam là bạn, là đối tác tin cậy và là thành viên tích cực, có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế”* (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021, Tập 1: 161-162).

4.4. Cần chú trọng hơn đến những giá trị dân chủ để năng động hóa các hoạt động kinh tế - xã hội, phát hiện và đào tạo nhân tài, giải quyết các bài toán tình thế và điều chỉnh xã hội.

Đã không ít lần trong lịch sử và ngay tại giai đoạn hiện nay, giá trị dân chủ được coi là đang bị suy giảm trên phạm vi toàn thế giới. Tuy nhiên, xét đến tính chu kỳ của phong trào dân chủ, nhiều nhà nghiên cứu dự báo rằng, nhân loại ngày nay sẽ rất sớm khôi phục lại tâm thế đề cao và tôn trọng dân chủ như trước đây.

Trên thực tế, dân chủ là một sức mạnh có nguồn gốc từ dân chủ thị trường. Từ nhiều thế kỷ nay, dân chủ là động lực thực sự để các nước như Mỹ, Pháp, Anh... vượt qua nhiều trở ngại nhất thời và liên tục phát triển. Mặc dù còn có quá nhiều khiếm khuyết, nhưng dân chủ ở các nước phát triển cao hiện vẫn là công cụ khó thay thế để năng động hóa các hoạt động kinh tế - xã hội, phát hiện nhân tài, sửa lỗi hệ thống, giải quyết các bài toán thiên tai, nhân họa và điều chỉnh cho xã hội không rơi vào các trạng thái quá khích, cực đoan.

Các cộng đồng có tình trạng dân chủ quá trớn, pháp chế lỏng lẻo, kỷ cương bị coi thường... thì xã hội sẽ rơi vào hỗn loạn, các nguy cơ khác sẽ từ đó phát sinh.

Theo chúng tôi, đó có thể coi là lý do giải thích tại sao Đại hội XIII của Đảng đã bổ sung một mối quan hệ lớn cần phải giải quyết trong nhiệm kỳ này là *“Thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế, đảm bảo kỷ cương xã hội”* (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021, Tập 1: 39).

Đối với Việt Nam, tính dân chủ và thực hành dân chủ ngày càng được đẩy mạnh, kỷ cương xã hội được chú trọng, đảm bảo cho mối quan hệ rất cơ bản này có sức mạnh thực tế ngày càng thể hiện là một yêu cầu

vừa bức thiết, vừa lâu dài của sự phát triển nhanh và bền vững đất nước.

Kinh nghiệm cho thấy, những quốc gia đang có tốc độ phát triển hợp lý muốn vươn tới thịnh vượng đều là những quốc gia chú trọng hoàn thiện nền pháp chế của mình, pháp luật được xây dựng hợp lý và thực hiện nghiêm minh, kỷ cương xã hội được đảm bảo ở mọi khu vực của đời sống, là công cụ giúp vận hành hiệu quả các thể chế, bịt các kẽ hở có thể có của một số chính sách, ngăn ngừa từ xa các biểu hiện lãng phí, tham nhũng.

5. Kết luận

Với những mâu thuẫn gay gắt và những đối đầu khốc liệt giữa các lực lượng lớn của CNTB hiện nay, không ít nhà tư tưởng đã cảnh báo rằng, CNTB cần phải có một cuộc cách mạng. CNTB hiện nay là một thứ CNTB không tự điều chỉnh được mình (Lapierre, 2024).

Nhưng cũng gần giống như 100 năm qua, bên cạnh những tuyên bố rất mạnh mẽ về cái chết của CNTB, sức mạnh tự điều chỉnh của CNTB vẫn là những thực tế gây bất ngờ cho các học thuyết chính trị. Kinh tế thị trường hiện nay chỉ là một phần của CNTB; nhà nước pháp quyền, chính phủ dân cử, thiết chế chính trị, xã hội dân sự, các định chế kinh tế - chính trị đa quốc gia cùng với những thiết chế khác của xã hội tư bản... chính là những thành phần không kém quan trọng tạo nên diện mạo và đặc trưng của CNTB.

Cũng như trong quá khứ, CNTB hôm nay luôn luôn sa vào những mâu thuẫn chưa từng có. Nhưng với những tình huống như hiện nay, một sự cáo chung bất ngờ của CNTB vẫn chưa thể xảy ra (Bauer, 2024).

Chưa bao giờ như hiện nay, Việt Nam đang vận dụng sáng tạo được một số giá trị tích cực của các quốc gia có trình độ phát

triển cao và tránh được một số khuyết tật vốn có của các nước theo hệ thống TBCN. Tinh thần đổi mới sáng tạo với tầm nhìn xa, sáng suốt của Đảng và Nhà nước, chắc chắn Việt Nam sẽ còn tiến xa trên con đường xây dựng CNXH và phát triển bền vững đất nước □

Tài liệu tham khảo

1. Acemoglu, Daron và Robinson, James (2013), *Tại sao các quốc gia thất bại. Nguồn gốc của quyền lực, thịnh vượng, và nghèo đói*, Nxb. Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.
2. Barrett, Eamon (2022), *China still has the most billionaires in the world, despite losing 160 of them amid Beijing's crackdowns last year*, <https://s.net.vn/jQYI>
3. Bauer, Ethan (2024), *Is the end of capitalism upon us?*, <https://s.net.vn/0iu7>
4. *Characteristics of Capitalism*, <https://s.net.vn/HzKH>
5. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Tập I, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
6. Jahan, Sarwat, Ahmed Saber Mahmud (2023), *What is capitalism? Back to basics*, <https://s.net.vn/2mq4>
7. Kerry, John (2016), *Remarks at the virtuous circle conference*, U.S. Department of State, <https://s.net.vn/OhGY>
8. Lukyanov, Fyodor (2010), "Russian dilemmas in a multipolar world", *Journal of International Affairs*, Vol. 63, No. 2, Rethinking Russia (SPRING/SUMMER 2010), pp. 19-32, <https://s.net.vn/FFQS>
9. C. Mác và Ph. Ăngghen, *Toàn tập*, Tập 23, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993.

10. C. Mác và Ph. Ăngghen, *Toàn tập*, Tập 4, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995.
11. Hồ Sĩ Quý (2015), “Singapore: nghịch lý phát triển”, *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam*, số 7 (92), tr. 47-56.
12. Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia (2001), *Việt Nam trong thế kỷ XX*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
13. Wallerstein, Immanuel (2013), *Does capitalism have a future?*, Oxford University Press, <https://s.net.vn/lorr>
14. Robinson, William I. and Harris, Jerry (2000), “Towards a global ruling class? Globalization and the transnational capitalist class”, *Science & Society*, Vol. 64, No. 1 (Spring, 2000), pp. 11-54, Guilford Press, <https://s.net.vn/Rejb>
15. Scott, Lapierre (2024), *Does capitalism need reform or revolution?*, <https://s.net.vn/Kla0>
16. Weber, Max (1905), *Die protestantische Ethik und der Geist des Kapitalismus*, <https://s.net.vn/CBYE>
17. Фурсов, А. (2021), *Жизнь и смерть капитализма: закрытые наднациональные структуры ведут его к гибели*, <https://s.net.vn/AD08>.

(tiếp theo trang 21)

8. Nguyễn Hà (2024), “Nhật Bản sử dụng hình đại diện kỹ thuật số, robot và AI để giải quyết khủng hoảng lao động”, *Vneconomy* ngày 24/01/2024, <https://vneconomy.vn/techconnect//nhat-ban-su-dung-hinh-dai-dien-ky-thuat-so-robot-va-ai-de-giai-quyet-khung-hoang-lao-dong.htm>
9. Nguyễn Mạnh Hùng (2021), *Kinh nghiệm phát triển kinh tế số ở một số quốc gia và giá trị tham khảo với Việt Nam*, <https://hvetcand.bocongan.gov.vn/llct-xdll-cand/xay-dung-dang/kinh-nghiem-phat-trien-kinh-te-so-o-mot-so-quoc-gia-va-gia-tri-tham-khao-voi-viet-nam-2136>
10. Sĩ Lực (2018), “Nhật Bản giới thiệu xã hội 5.0 tại Việt Nam”, *Tiền phong* ngày 26/01/2018, <https://www.tienphong.vn/cong-nghe/nhat-ban-gioi-thieu-xa-hoi-50-tai-viet-nam-1237115.tpo>
11. Trần Thị Nhung (2020), “Sáng kiến xây dựng xã hội 5.0 của Nhật Bản”, *Tạp chí Nghiên cứu Đông Bắc Á*, số 5 (231).
12. Trung tâm Phân tích thông tin (2017), *Nhật Bản hướng tới xã hội siêu thông minh*, <http://lamdongdostgov.vn/handle/123456789/352076>
13. Trung tâm Phân tích thông tin (2018), *Định hướng hiện thực hóa một siêu xã hội thông minh của Nhật Bản*, https://vista.gov.vn/vn-uploads/tong-luan/2018/tl4_2018.pdf
14. 紅林 徹也 (Kurebayashi Tetsuys), *Society5.0の実現に向けたプラットフォームのあり方* (Nền tảng hiện thực hóa xã hội 5.0), https://orsj.org/wp-content/corsj/or61-9/or61_9_568.pdf
15. Trần Văn Liệu (2023), *Quản trị dữ liệu quốc gia: Kinh nghiệm quốc tế và hàm ý cho Việt Nam*, <https://www.nait.vn/cds/quan-tri-du-lieu-quoc-gia-kinh-nghiem-quoc-te-va-ham-y-cho-viet-nam-457.html>